

BÁO CÁO
Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thị xã.

Căn cứ Chương trình kỳ họp thứ ba, Hội đồng nhân dân thị xã khóa XII. UBND thị xã báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 như sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

1. Công tác tuyên truyền phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến các quy định của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, triển khai việc tổng rà soát các định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong các lĩnh vực quản lý, sử dụng ngân sách; đầu tư xây dựng cơ bản; quản lý sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ, đất đai... và các văn bản qui phạm pháp luật khác do Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành; địa phương đã chủ động rà soát các văn bản thuộc phạm vi quản lý để kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với quy định hiện hành.

UBND thị xã chỉ đạo các phòng, ban, UBND các xã, phường trong các cuộc họp cơ quan định kỳ hàng tháng, thủ trưởng đơn vị triển khai và quán triệt thực hiện nghiêm túc Luật, các văn bản có liên quan đến tiết kiệm chống lãng phí và Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Nghị định số 84/2014/NĐ-CP về quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, để toàn thể cán bộ công chức trong đơn vị biết và thực hiện nhằm tiết kiệm ngân sách Nhà nước và sử dụng ngân sách được giao một cách có hiệu quả.

Công khai những quy định về sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính được giao, đồng thời thực hiện các định mức tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu làm cơ sở tiến hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiết kiệm trong chi tiêu hành chính đảm bảo chi đúng định mức, đúng mục đích.

Tiếp tục triển khai thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính trong cơ quan. Tiếp tục rà soát lại quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan để sửa đổi, bổ sung

điều chỉnh cho phù hợp với quy định của Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí, cũng như các văn bản có liên quan.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

Tiết kiệm chi ngân sách, công khai minh bạch trong việc sử dụng ngân sách nhà nước và các khoản chi khác.

Thực hiện tốt quy chế dân chủ và các quy định về công khai tài chính trong cơ quan, đảm bảo công khai minh bạch các hoạt động tài chính tại đơn vị.

Một số tiêu chí cụ thể về thực hành tiết kiệm chống lãng phí tại đơn vị: Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, chi tiếp khách và mua sắm, sử dụng trang thiết bị tại đơn vị.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

Các ban, ngành, đoàn thể và UBND các xã, phường căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra về quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước.

Triển khai thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy công tác giám sát của Ban Thanh tra nhân dân, tạo nhiều kênh thông tin để toàn thể CBCC, VC tham gia giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại cơ quan, đơn vị.

II. Tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

1. Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cụ thể trong các lĩnh vực:

a) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

Việc chi tiêu của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể thị xã và UBND các xã, phường áp dụng theo các tiêu chuẩn, định mức được xây dựng cụ thể chi tiết trong “Quy chế chi tiêu nội bộ” được thông qua, nhất trí trong Hội nghị CBCC hàng năm và được bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với chế độ chính sách mới ban hành cũng như tình hình thực tế bộ máy tổ chức hoạt động của các đơn vị và định mức ngân sách được giao

b) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN):

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.
- Tiết kiệm 10% chi hoạt động thường xuyên năm 2021 với số tiền: 2.017.819.000 đồng để bổ sung nguồn chi cải cách tiền lương.

- Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên còn lại của năm 2021 theo Công văn số 6299/BTC-NSNN ngày 11/6/2021 của Bộ Tài chính về việc tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021 theo Nghị quyết 58/NQ-CP với tổng số tiền: 444.000.000 đồng (*Bốn trăm bốn mươi bốn triệu đồng*) để bổ sung vào nguồn dự phòng ngân sách .

- Điều chỉnh giảm các khoản chi thường xuyên chưa chi tính đến 31/8/2021 với tổng số tiền là: 1.520.750.000 đồng (*Một tỷ, năm trăm hai mươi triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) để bổ sung vào nguồn dự phòng ngân sách .

- Thực hiện chi bám sát dự toán giao. Đảm bảo các nguồn kinh phí được thực hiện đúng nội dung, đúng đối tượng.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả đến tất cả các đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về việc quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV của liên Bộ Tài chính – Bộ Nội vụ ngày 30/05/2014 quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước.

- Việc sử dụng điện chiếu sáng công cộng cũng được bố trí hợp lý, lắp đặt và điều chỉnh giờ thấp sáng theo từng mùa, đảm bảo phù hợp và tiết kiệm.

- Việc hội họp đã tiết kiệm tối đa nhờ hình thức trực tuyến, tổ chức các ngày lễ kỷ niệm, hội nghị sơ kết, tổng kết đã được lồng ghép nhằm giảm số lượng đại biểu, tiết kiệm thời gian.

c) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước:

Kiểm soát chặt chẽ việc mua sắm, sử dụng tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại. Tận dụng, khai thác có hiệu quả tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại hiện có, chỉ đầu tư xây dựng, mua sắm mới khi thực sự cần thiết và bảo đảm đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ.

d) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng:

- Các phòng, ban chuyên môn, Đoàn thể, UBND các xã, phường tiến hành rà soát các danh mục dự án đầu tư, thực hiện cắt giảm đối với các dự án hiệu quả thấp, điều chuyển nguồn vốn cho các dự án hoàn thành hoặc có điều kiện hoàn thành sớm và phát huy được hiệu quả; yêu cầu các chủ đầu tư, các tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng tuân thủ nguyên tắc thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong việc thiết kế, kết cấu, thi công xây dựng công trình đảm

bảo đúng quy định. Vì vậy đã hạn chế được nhiều công trình, dự án xây dựng dở dang, tránh lãng phí ngân sách nhà nước.

- Hướng dẫn các đơn vị mua sắm tài sản theo đúng quy định tại Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ, Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính; Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 17/11/2015; Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg 08/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện xác định giá trị quyền sử dụng đất để cho thuê đất, giao đất, bán đấu giá làm tăng nguồn thu ngân sách thị xã.

đ) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên:

Rà soát kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên. Khuyến khích nhân dân tham gia trồng rừng, bảo vệ và khai thác rừng một cách hợp lý, hiệu quả. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về quản lý và bảo vệ rừng.

e) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước:

Nhìn chung các đơn vị luôn tuân thủ đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động. Toàn thể cán bộ công chức trong đơn vị thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế, quy định về thời gian làm việc, không xảy ra tình trạng đi trễ về sớm và làm việc riêng trong giờ làm việc.

Công tác giải quyết các thủ tục hành chính, thời gian giải quyết đối với từng loại công việc thường xuyên được kiểm tra để tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân, trực tiếp triển khai thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế “Một cửa” và “Một cửa liên thông” nhằm giải quyết nhanh gọn, đúng pháp luật không gây phiền hà những nhiều.

g) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân:

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, quản lý tốt các lễ hội, hoạt động văn hóa, thể thao, bảo đảm tiết kiệm, an ninh trật tự, đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

- Tăng cường kiểm tra giá cả, nhất là đối với những mặt hàng thiết yếu; ngăn chặn đầu cơ, tăng giá bất hợp lý.

- Kiểm soát chặt chẽ các mặt hàng chất lượng kém, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của nhân dân.

2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí:

Trong năm 2021, chưa phát hiện các hành vi lãng phí.

III. Đánh giá chung:

1. Đánh giá kết quả đạt được:

Được sự quan tâm chỉ đạo của cấp trên, công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tại đơn vị trong thời gian vừa qua đã được cụ thể hóa bằng những hành động cụ thể, cán bộ công chức trong đơn vị ngày càng có ý thức và trách nhiệm hơn trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Các đơn vị ngày càng có ý thức và trách nhiệm hơn trong các hoạt động của mình để từng bước kiểm soát được việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Công tác cải cách hành chính được triển khai thực hiện có nhiều chuyển biến tích cực; đã triển khai thực hiện rà soát văn bản pháp quy, thực hiện cải cách các thủ tục hành chính nhằm cắt giảm thủ tục không gây lãng phí về thời gian và tiền bạc; thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, từng bước nâng cao uy tín của chính quyền trong công tác quản lý nhà nước.

- Thực hiện tốt các quy định về công khai tài chính đối với các cấp ngân sách, từ khâu phân bổ dự toán đến khâu quyết toán hàng năm, kế hoạch xây dựng cơ bản, công khai quy trình thu và sử dụng các loại Quỹ, các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân... để tạo điều kiện cho việc kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Do được tuyên truyền và phổ biến rộng rãi, toàn thể cán bộ công chức trong các đơn vị đã có ý thức tiết kiệm trong mọi hoạt động tại cơ quan, sử dụng tiết kiệm và không gây lãng phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, sử dụng đúng mục đích những tài sản của cơ quan góp phần tiết kiệm ngân sách.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

Tại một số đơn vị có triển khai thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhưng chưa thật sự hiệu quả, ý thức tiết kiệm của một số ít cán bộ công chức, viên chức chưa cao.

IV. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp về thực hành tiết kiệm chống lãng phí cần tập trung triển khai thực hiện trong năm 2022.

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại đơn vị. Đồng thời rà soát, ban hành bổ sung các chương trình, kế hoạch cụ thể, xây dựng các định mức tiết kiệm cụ thể để tạo thành chỉ tiêu phấn đấu, thực hiện.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, trong các cơ quan, đơn vị. Tiếp tục thực hiện “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” đặc biệt là đạo đức của Người về thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

Thực hiện nghiêm các quy định của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013, Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ.

Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Tăng cường kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản công, xử lý nghiêm công chức, viên chức gây lãng phí trong việc quản lý, sử dụng tài sản công theo đúng tinh thần Nghị định số 84/2006/NĐ-CP; Thông tư số 98/2006/TT-BTC ngày 20/10/2006 và Thông tư số 101/2006/TT-BTC ngày 31/10/2006 của Bộ Tài chính về hướng dẫn bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 của UBND thị xã Bình Long. /: *HL*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT. UBND thị xã;
- Phòng Tài chính – KH thị xã;
- LĐVP, CV(KT);
- Lưu: VT.



Hoàng Thị Hồng Vân

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỂM, CHỐNG LÃNG PHÍ
(Kèm theo Báo cáo số **A.33** /BC-UBND ngày **19/11** /2021 của UBND thị xã Bình Long)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả kỳ báo cáo	So sánh năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức mới được ban hành	văn bản		0	0		0%	
2	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	văn bản		0	0		0%	
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	cuộc		0	0		0%	
4	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	vụ		0	0		0%	
5	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	triệu đồng		0	0		0%	
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
I	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng		0	0		0%	
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	2.326	3.982	3.982	171%	100%	



1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng		0	0			0%	
1.4	Các nội dung khác	triệu đồng		0	0			0%	
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN	-	-	0	0			0%	
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính	triệu đồng		0	0			0%	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	triệu đồng		0	0			0%	
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng		0	0			0%	
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng		0	0			0%	
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng		0	0			0%	
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng		0	0			0%	
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng		0	0			0%	
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ								
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị		0	0			0%	
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị		0	0			0%	
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng		0	0			0%	
4	Các nội dung khác			0	0			0%	
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước								

1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)								
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	0	0				0%	
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc	0	0				0%	
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc	8	6				75%	
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc	0	0				0%	
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng	0	0				0%	
2	Tài sản khác								
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản	0	0				100%	
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản	0	0				0%	
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng	0	0				0%	
3	Các nội dung khác								
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng								
1	Trong đầu tư xây dựng								
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án							
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm: - Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán - Thực hiện đầu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng							
		triệu đồng	0	0				0%	
		triệu đồng	0	0				0%	



	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng	0	0	0%	
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng	0	0	0%	
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng	0	0	0%	
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án	0	0	0%	
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ		0	0	0%	
	Số lượng	dự án	0	0	0%	
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng	0	0	0%	
2	Trụ sở làm việc					
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m ²	0	0	0%	
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²	0	0	0%	
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²	0	0	0%	
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²	0	0	0%	
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²	0	0	0%	
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng	0	0	0%	
3	Nhà công vụ					
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m ²	0	0	100%	
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²	0	0	0%	

3.3	Diện tích nhà công vụ giám đo thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	0	0	0%
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	0	0	0%
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	0	0	0%
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng	0	0	0%
4	Các nội dung khác				
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên				
1	Quản lý, sử dụng đất				
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m2	0	0	0%
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m2	0	0	0%
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	0	0	0%
1.4	Các nội dung khác		0	0	0%
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác				
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ	0	0	0%
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	0	0	0%
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được				
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án	0	0	0%
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng	0	0	0%

3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt			0	0			0%	
4	Các nội dung khác								
4.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong lĩnh vực môi trường	vụ		0	0			0%	
4.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng		0	0			0%	
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước								
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ		0	0			0%	
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng		0	0			0%	
3	Các nội dung khác			0	0			0%	
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP								
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc		0	0			0%	
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	cuộc		0	0			0%	
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị		0	0			0%	
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị		0	0			0%	
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát (không tổng hợp số liệu của Ngân hàng thối)	triệu đồng		0	0			0%	
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng		0	0			0%	